

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số 216/QĐ-CDYT ngày 12 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh)

Tên ngành, nghề:	Y sĩ Đa khoa
Mã ngành, nghề:	5720101
Trình độ đào tạo:	Trung cấp
Hình thức đào tạo:	Chính quy (niên chế)
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thời gian đào tạo:	02 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Y sĩ đa khoa để đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn y học ở trình độ trung cấp; làm nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh; có đủ sức khỏe để làm việc và không ngừng học tập nâng cao trình độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức chung:

Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật của nhà nước; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có sức khỏe tốt, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

1.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

- Có kiến thức về giải phẫu, sinh lý cơ thể con người và những thay đổi của chúng trong các thời kỳ khác nhau của cuộc đời, đặc biệt là những thay đổi về thể chất, sinh lý và tinh thần của con người khi bị bệnh;

- Có kiến thức về khoa học xã hội về tâm lý, tâm lý y học, kỹ năng giao tiếp để chăm sóc sức khỏe người bệnh/cộng đồng phù hợp với văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng và tâm sinh lý của từng đối tượng;

- Có kiến thức về cơ sở ngành và các môn học cơ sở khác làm tiền đề cho việc tiếp thu các môn học chuyên ngành;
- Có kiến thức về luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Có kiến thức các môn chuyên ngành để đánh giá tình trạng sức khỏe/bệnh tật của người bệnh và cộng đồng, lập kế hoạch và đưa ra biện pháp xử trí/chăm sóc thích hợp;
- Nắm vững những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường;
- Có kiến thức cơ sở lí luận về khoa học xã hội để chăm sóc người bệnh một cách nhân văn, phù hợp về văn hoá, xã hội và tâm sinh lí;
- Có hiểu biết về luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp;

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường.
- Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở.
- Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng.
- Chuyên tuyến trên kịp thời các bệnh không nằm trong quy định và quá khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở;
- Tổ chức quản lí và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch;
- Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hợp tác với các nhân viên y tế khác, với người bệnh và gia đình của họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe nhân dân;
- Có kỹ năng đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả chăm sóc sức nhân dân, thông qua việc sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề, tiếp cận hệ thống và tư duy tích cực khi thực hành nghề nghiệp, để đảm bảo chăm sóc sức khỏe nhân dân một cách hiệu quả nhất;
- Áp dụng các kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, sử dụng các nguồn lực sẵn có để đảm bảo sự chăm sóc sức khỏe nhân dân an toàn, hiệu quả, có nhân văn, phù hợp với những quy định về năng lực và chức năng, nhiệm vụ của người Y sĩ đa khoa theo quy định của Bộ Y tế.
- Có kỹ năng quản lí, điều hành về nhân lực và chuyên môn hiệu quả.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực chuyên môn và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

- Chủ động, tích cực có trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.

- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.

- Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hành công việc.

- Chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao, có khả năng tự đánh giá chất lượng công việc.

- Chủ động xin ý kiến cấp trên trong trường hợp vượt quá khả năng của mình.

- Xây dựng được môi trường làm việc an toàn và hiệu quả.

1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Có khả năng tự học và nghiên cứu, tìm hiểu trong môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Có năng lực để tham gia học lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của bản thân và nghề nghiệp.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi học xong chương trình Y sĩ đa khoa, người học có thể làm tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 30

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 83 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1995 giờ
- Khối lượng lí thuyết: 612 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1565 giờ;
Kiểm tra: 72 giờ.

3. Nội dung chương trình:

3.1. Môn học

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lí thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 1	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 2	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
MH 3	Tin học	2	45	15	29	1
MH 4	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 5	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 6	Giáo dục quốc phòng - an ninh	2	45	21	21	3
II	Các môn học chuyên môn					
II.1	Môn học cơ sở	21	405	202	181	22
MH 7	Giải phẫu - Sinh lí	4	75	43	27	5
MH 8	Vi sinh - Kí sinh trùng	2	45	14	27	4
MH 9	Dược lí	2	30	29	0	1
MH 10	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người - Dinh dưỡng	3	30	29	0	1

	– Tiết chế					
MH 11	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	3	30	29	0	1
MH 12	Y đức và Tổ chức Y tế	2	30	29	0	1
MH 13	Điều dưỡng cơ sở và KSNK	3	90	29	57	4
MH 14	TH tiền lâm sàng - Điều dưỡng	2	75	0	27/43	5
II.2	Môn học chuyên môn	22	330	316	0	14
MH 15	Bệnh Nội khoa	3	45	43	0	2
MH 16	Bệnh Ngoại khoa	3	45	43	0	2
MH 17	Sức khỏe trẻ em	3	45	43	0	2
MH 18	Sức khỏe sinh sản	3	45	43	0	2
MH 19	Bệnh truyền nhiễm	3	45	43	0	2
MH 20	Bệnh chuyên khoa	3	45	43	0	2
MH 21	Y tế cộng đồng	2	30	29	0	1
MH 22	Y học cổ truyền	2	30	29	0	1
II.3	Thực tập cơ bản (TTLS và CĐ)	20	900	0	880	20
MH 23	TTLS Nội khoa (1,2)	4	180	0	176	4
MH 24	TTLS Ngoại khoa (1,2)	4	180	0	176	4
MH 25	Thực tập lâm sàng Sản phụ khoa	2	90	0	88	2
MH 26	Thực tập lâm sàng Nhi khoa (1,2)	4	180	0	176	4
MH 27	Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm	2	90	0	88	2
MH 28	TTLS Y học cổ truyền	2	90	0	88	2
MH 29	Thực tập cộng đồng	2	90	0	88	2
II.4	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	356	4

MH 30	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	356	4
	Tổng toàn khóa	83	2250	612	1565	73

3.2. Phân bố thời gian học

Mã môn học	Môn học	Số TC	Tổng số	Lí thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kì 1 – Năm thứ nhất						
MH 6	Giáo dục quốc phòng - an ninh	2	45	21	21	3
MH 7	Giải phẫu - Sinh lí	3	60	28	27	5
MH 8	Vi sinh - Kí sinh trùng	2	45	14	27	4
MH 9	Dược lí	2	30	29	0	1
MH 13	Điều dưỡng cơ sở và KSNK	3	90	29	57	4
MH 15	Bệnh Nội khoa	3	45	43	0	2
MH 16	Bệnh Ngoại khoa	3	45	43	0	2
	Tổng	20	345	207	132	21
Học kì 2 - Năm thứ nhất						
MH 14	TH tiền lâm sàng - Điều dưỡng	2	75	0	27/43	5
MH 5	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 19	Bệnh truyền nhiễm	3	45	43	0	2
MH 10	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người - Dinh dưỡng – Tiết chế	3	30	29	0	1
MH 17	Sức khỏe trẻ em	3	45	43	0	2
MH 18	Sức khỏe sinh sản	3	45	43	0	2

MH 12	Y đức và Tổ chức Y tế	2	30	29	0	1
MH 23	TTLS Nội khoa 1	2	90	0	88	2
MH 24	TTLS Ngoại khoa 1	2	90	0	88	2
	Tổng	21	480	191	270	19
Học kì 1 - Năm thứ hai						
MH 20	Bệnh chuyên khoa	3	45	43	0	2
MH 21	Y tế cộng đồng	2	30	29	0	1
MH 22	Y học cổ truyền	2	30	29	0	1
MH 25	Thực tập lâm sàng Sản phụ khoa	2	90	0	88	2
MH 26	Thực tập lâm sàng Nhi khoa 1	2	90	0	90	2
MH 27	Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm	2	90	0	88	2
MH 28	TTLS Y học cổ truyền	2	90	0	88	2
MH 11	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	3	30	29	0	1
MH 29	Thực tập cộng đồng	2	90	0	88	2
	Tổng	22	615	130	442	15
Học kì 2 - Năm thứ hai						
MH2	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
MH 3	Tin học	2	45	15	29	1
MH 4	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 31	TTLS Nội khoa 2	2	90	0	88	2
MH 32	TTLS Ngoại khoa 2	2	90	0	88	2
MH 33	Thực tập lâm sàng Nhi khoa 2	2	90	0	88	2

MH 30	Thực tế tốt nghiệp	8	360		356	4
	Tổng	21	750	54	714	16
	TỔNG CHUNG	83	2250	612	1565	72

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

06 môn chung thực hiện theo chương trình khung của Bộ LĐ-TB&XH theo các thông tư: Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH về chương trình môn học Pháp luật, Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH về Chương trình môn học Giáo dục chính trị, Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH về Chương trình môn học Tiếng Anh, Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH về chương trình môn học Tin học, Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH chương trình môn học Giáo dục thể chất, Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH về môn học Giáo dục quốc phòng

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục, tinh giản số giờ lí thuyết, dành nhiều thời gian cho học sinh tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ trung cấp.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, Nhà trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng phê duyệt chương trình đào tạo của Trường.

Trường tổ chức giảng dạy đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học giữa các học kì trong toàn khóa học nhưng đảm bảo tính logic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học và các quy định hiện hành có liên quan.

Trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, đúc kết kinh nghiệm giảng dạy chuyên ngành từ những năm trước có sự thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kĩ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Khóa đào tạo được thực hiện trong 2 năm, mỗi năm có 2 học kì chính và một học kì phụ. Học kì chính có 15 tuần thực học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ. Học kì hè có 6 tuần thực hiện cho cả việc học và thi. Ngoài ra học sinh được nghỉ tết 2 tuần, nghỉ các ngày lễ theo quy định của Nhà nước.

Tổ chức thực tế tại cộng đồng sau khi học sinh đã học các môn cơ sở, tiền lâm sàng, Y tế cộng đồng, Giáo dục sức khỏe và hầu hết các môn học lâm sàng. Học sinh sẽ được thực tập tại một số trạm y tế xã, phường và cụm dân cư tại địa bàn của trường.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Mỗi môn học được đánh giá bằng 3 loại điểm: Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kì và điểm thi kết thúc môn học (các điểm này được quy định chi tiết trong từng đề cương môn học)

- Điểm kiểm tra thường xuyên: Do giảng viên chủ động về hình thức và chủ đề, qua việc đánh giá thường xuyên khi lên lớp. Trung bình cộng các điểm này (làm tròn đến phần nguyên) là điểm kiểm tra thường xuyên.

- Điểm kiểm tra định kì: Mỗi môn học có ít nhất 1 điểm kiểm tra định kì, hình thức và thời gian do giảng viên giảng dạy quyết định, thang điểm 10 và làm tròn đến phần nguyên.

Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì chiếm 40% trọng số điểm của môn học.

- Điểm thi kết thúc môn học: Kết thúc học kì, Nhà trường tổ chức thi hết các môn trong học kì đó, kì thi hết môn được Hội đồng triển khai trên cơ sở bộ công cụ đánh giá do các Khoa chuyên môn xây dựng. Việc coi thi, chấm thi và công bố điểm thi theo quy trình và giám sát chặt chẽ. Điểm thi hết môn làm tròn đến phần nguyên và có trọng số 60% điểm môn học.

- Điểm môn học = 40%* (Điểm kiểm tra thường xuyên + 2*Điểm kiểm tra định kì) + 60%* Điểm thi hết môn học.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

4.4.1. Điều kiện thi tốt nghiệp

Người học có đủ điều kiện sau thì sẽ được dự thi tốt nghiệp:

- Phải học hết chương trình đào tạo, có điểm tất cả các môn học từ 5,0 trở lên
- Không trong thời gian: bị kỉ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

4.4.2. Nội dung thi tốt nghiệp

Bao gồm: môn Giáo dục Chính trị; Lí thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

* Lí thuyết tổng hợp:

- Nội dung thi tổng hợp các môn: Bệnh Nội khoa, Bệnh Ngoại khoa; Sức khỏe sinh sản, Sức khỏe trẻ em; Bệnh truyền nhiễm.

- Hình thức thi: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm

* Thực hành:

Làm bệnh án trên bệnh nhân cụ thể tại các khoa (Nội, Ngoại, Phụ sản, Nhi, Truyền nhiễm) của bệnh viện hoặc làm bệnh án trên mô hình được cài đặt tình huống lâm sàng tại Labo.

* Giáo dục Chính trị:

- Nội dung thi: Những kiến thức thuộc môn Giáo dục Chính trị trong chương trình

- Hình thức thi: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm

4.4.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Những học sinh có đủ điều kiện sau đây được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

+ Điểm của mỗi môn thi tốt nghiệp phải đạt từ 5,0 trở lên

+ Không trong thời gian: bị kỉ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường

- Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp.

Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc môn thi tốt nghiệp cuối cùng, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức trao bằng cho người đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp.

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí)

Trần Xuân Hoan